

# CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA VIỆT NAM VÀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

● PGS.TS. TRẦN KHÁNH DỨC  
Đại học Quốc gia Hà Nội

## Đặt vấn đề

Việt Nam có lịch sử mấy ngàn năm văn hiến. Trải qua các bước thăng trầm của lịch sử, nền giáo dục đại học Việt Nam (GDĐH) kể từ khi Quốc Tử Giám (được coi là trường đại học đầu tiên của Việt Nam) được thành lập (1076) dưới thời Vua Lý Thánh Tông cho đến nay gần 10 thế kỉ. Trong quá trình lịch sử đó, các giá trị văn hoá dân tộc tạo ra nền tảng của quá trình phát triển GDĐH Việt Nam và ngược lại quá trình phát triển GDĐH cũng đã góp phần kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc và thời đại. Xu hướng trên phù hợp với Tuyên bố Pari của Hội nghị quốc tế về GDĐH năm 1998 do UNESCO tổ chức: "Sứ mệnh của GDĐH là góp phần vào yêu cầu phát triển bền vững và phát triển xã hội nói chung". Nghị Quyết 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 của Chính phủ Việt nam về đổi mới căn bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020 cũng đã đặt ra yêu cầu: "Hiện đại hóa hệ thống GDĐH trên cơ sở kế thừa những thành quả giáo dục và đào tạo của đất nước, **phát huy bản sắc dân tộc**, tiếp thu tinh hoa nhân loại, nhanh chóng tiếp cận xu thế phát triển GDĐH tiên tiến trên thế giới".

## I. Bối cảnh và các xu hướng phát triển GDĐH trong đời sống xã hội hiện đại

### 1.1. Bối cảnh

Bước vào thế kỉ 21 cùng với quá trình chuyển từ giáo dục tinh hoa sang giáo dục đại chúng, quy mô GDĐH trên phạm vi toàn thế giới gia tăng từ 14 triệu sinh viên (1960) lên khoảng 80 triệu sinh viên hiện nay ( ở Việt Nam sau 10 năm tăng từ khoảng 500.000 sinh viên năm 1995 lên 1,2 triệu sinh viên năm 2005). Vai trò và vị trí của hệ thống GDĐH nói chung và các trường đại học nói riêng đã có những thay đổi căn bản. Với tiềm lực to lớn về đội ngũ chuyên gia có trình độ cao mà trong đó nhiều người đạt giải Noben về các lĩnh vực khoa học-công nghệ, hệ thống các trang thiết bị nghiên cứu và thí nghiệm hiện đại, cơ sở nguồn lực thông tin, dữ liệu phong phú v.v..., các trường đại học, đặc biệt

là các đại học nghiên cứu (Research University) ở Mĩ, Anh, Hà Lan và các nước phát triển đã và đang đóng một vai trò to lớn không chỉ trong công tác đào tạo chuyên gia trình độ cao mà còn thực sự là các trung tâm văn hoá, trung tâm tri thức và là những cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu trong nhiều ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn như công nghệ vũ trụ, thông tin, sinh học, vật liệu mới và tự động hoá..vv. Nhiều nước trong khu vực ASEAN như Thái Lan, Malaysia, Philipin đã và đang thực hiện đổi mới, cải cách GDĐH theo hướng kế thừa và phát triển các giá trị văn hoá và khoa học-công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phát triển các dịch vụ cộng đồng. Sự phát triển của hệ thống GDĐH một mặt bị tác động, chi phối và một mặt khác cũng góp phần thúc đẩy của các xu hướng phát triển chung của đời sống xã hội hiện đại.

Các nhân tố tác động chủ yếu là :

\* Toàn cầu hoá (Globalization) với các dòng dịch chuyển của hàng hoá, tiền tệ, nhân lực, dịch vụ, tri thức.giao lưu văn hoá..vv. Các vấn đề toàn cầu như con người, môi trường, năng lượng, HIV, dân số, thương mại. vv

\* Những bước đột phá về KH-CN : Bản đồ Gien, Trí tuệ nhân tạo, Vật liệu mới, Công nghệ thông tin và truyền thông.

\* Kinh tế tri thức và xã hội thông tin, thời đại mạng

\* Văn hoá công nghệ,văn hoá toàn cầu, đa văn hoá, kỉ nguyên chất lượng

\* Khu vực tự do thương mại :WTO, AFTA, APEC..

### 1.2. Các xu hướng phát triển GDĐH trong thế kỉ 21

Trong bối cảnh sôi động của các xu hướng phát triển của đời sống xã hội hiện đại, GDĐH ở các nước đã và đang có nhiều cơ hội phát triển, đồng thời phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn, đặc biệt là vấn đề giải quyết các mối quan hệ giữa quy mô-chất lượng và hiệu quả đào tạo,

giữa đào tạo và nghiên cứu, dịch vụ, giữa nhu cầu và nguồn lực cho phát triển, kể cả những vấn đề dung hoà và xung đột do sự khác biệt của các nền văn hoá v.v... Để giải quyết các yêu cầu đó GDĐH ở các nước đã và đang thực hiện các cuộc đổi mới và cải cách sâu rộng với các xu hướng sau:

1. Xu hướng đại chúng hóa : Chuyển từ giáo dục tinh hoa (Elite) sang giáo dục đại chúng và phổ cập (Massification & Univerzalization). Quy mô GDĐH tăng nhanh. Ở nhiều nước như Mĩ, Hàn Quốc tỉ lệ sinh viên đại học trong độ tuổi 18-26 lên đến 30-50%.

2. Xu hướng đa dạng hoá (Diversification) : Phát triển nhiều loại hình trường với cơ cấu đào tạo đa dạng về trình độ và ngành nghề theo hướng hàn lâm (Academy) hoặc nghề nghiệp & công nghệ nặng về thực hành (professional and technology)

3. Tư nhân hoá (Privatization): Để tăng hiệu quả đào tạo và thu hút nhiều nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho GDĐH, ở nhiều nước như Mĩ, Philipin..vv phần lớn các trường đại học là đại học tư.

4. Bảo đảm chất lượng (Quality Assurance) và nâng cao khả năng cạnh tranh. Chuyển đổi văn bằng, chứng chỉ, trao đổi sinh viên. Tập đoàn hoá và công nghiệp hoá (Corporatization and Industrialization) hệ thống GDĐH.

5. Phát triển mạng lưới các đại học nghiên cứu để trở thành các trung tâm sản xuất, sử dụng, phân phối, xuất khẩu tri thức và chuyển giao công nghệ mới, hiện đại. Thông qua đào tạo và nghiên cứu để phát hiện và thu hút nhân tài khoa học & công nghệ

6. Đẩy mạnh các loại hình dịch vụ đào tạo nhân lực quốc tế và khu vực. Các trường đại học trở thành mạng lưới các cơ sở dịch vụ đào tạo nhân lực thu hút vốn đầu tư vào đào tạo từ nhiều nước, đặc biệt là các nước đang phát triển có nhu cầu tiếp cận với công nghệ hiện đại

## II. Văn hoá và các giá trị văn hoá Việt Nam

Trong quá trình phát triển của các quốc gia-dân tộc, các giá trị văn hoá vật chất và tinh thần được các thế hệ nối tiếp kế thừa và phát triển đã tạo nên diện mạo của nền văn hoá dân tộc trong các giai đoạn phát triển của lịch sử. Cũng như quy luật tiến hoá và đào thải của tự nhiên, các giá trị văn hoá (vật chất và tinh thần) của một quốc gia - dân tộc cũng có quá trình phát triển với xu hướng bảo tồn và phát triển những giá trị văn hoá tiến bộ, sàng lọc và tiếp thu những giá trị văn hoá mới, thích hợp với đòi hỏi của thời đại

trong quá trình giao lưu, hợp tác bang giao giữa các quốc gia trong khu vực và thế giới. Nền tảng văn hoá tạo cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong đó có GDĐH và ngược lại hoạt động giáo dục có tác dụng to lớn trong quá trình phát triển văn hoá, giữ gìn bản sắc dân tộc, hội nhập và giao lưu quốc tế

Trải qua nhiều bước thăng trầm của lịch sử, các giá trị văn hoá Việt Nam gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc đã và đang được các thế hệ kế thừa và phát huy mạnh mẽ. Từ các giá trị văn hoá thuở hồng hoang dựng nước thời Hùng vương với sự tích "Bánh chưng, bánh dày" thể hiện triết lí về sự dung hoà của trời - đất, mối quan hệ của con người, của cộng đồng với trời-đất và các sản vật tự nhiên trong nền văn minh lúa nước (lúa gạo), tôn trọng các giá trị, thành quả lao động cần cù và chăm chỉ của muôn dân cho đến các giá trị văn hoá thời đại đồ đồng với trống đồng Đông Sơn, trống đồng Ngọc Lũ... Trống đồng không chỉ là biểu hiện sự tiến bộ của trình độ sản xuất, các giá trị văn hoá vật chất (kĩ thuật đúc đồng) mà còn là sự thể hiện các giá trị văn hoá tinh thần của cộng đồng người Việt trong các mối quan hệ giữa con người trong xã hội, triết lí-của con người về tự nhiên về vũ trụ quan, nhân sinh quan tuy còn sơ khai nhưng hết sức sâu sắc và tinh tế.

Cùng với các giá trị truyền thống về vật chất là các giá trị văn hoá về tinh thần thể hiện thông qua các quan niệm về cuộc sống, lối sống, các chuẩn mực giá trị về đạo đức như nhân nghĩa, hiếu học, trọng dụng nhân tài, khoan dung, lễ nghĩa, trung hiếu, hướng thiện, thủy chung ..vv rất phù hợp với các tư tưởng giáo dục tiên bộ của thời đại về nhân quyền, hoà bình, tiến bộ, khoan dung..vv

Văn hoá tinh thần Việt Nam chịu ảnh hưởng của các luồng tư tưởng Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo qua các bước biến thiên của lịch sử đã tạo nên diện mạo đời sống tinh thần phong phú, đa dạng. Con người Việt Nam trải qua bao phen khói lửa, binh đao nhưng giàu lòng nhân nghĩa không chỉ đối với nhau (Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau; bầu ơi thương lấy bí cùng..) mà ngay cả đối với kẻ thù xâm lược cũng "Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn. Đem trí nhân thay cường bạo - Nguyễn Trãi".

Nói đến các giá trị văn hoá Việt Nam không thể không nói đến tinh thần hiếu học, thái độ trọng dụng nhân tài "Hiển tài là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí có mạnh thì nước mới thịnh, nguyên khí suy thì nước cũng suy". Việc học trở thành việc quan trọng của đời người "Nhân bất

học bất tri lí", "Hữu giáo vô loại". Tinh thần hiếu học trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc thể hiện sự ham hiểu biết, trí thông minh - một trong những phẩm chất cần thiết của con người trong đời sống xã hội hiện đại, đáp ứng xu thế học suốt đời, xây dựng xã hội học tập theo triết lí giáo dục của xã hội hiện đại là học để biết, học để làm, học để chung sống và học làm người. Trong xã hội hiện đại " Thế giới phẳng" theo Thomas L. Friedman, trong công thức  $CQ + PQ > IQ$  chỉ số hiếu học CQ (Curiosity quotient) cộng với chỉ số đam mê PQ (passion quotient) có giá trị quan trọng hơn chỉ số thông minh IQ (intelligent quotient).

Ở tư tưởng thiên- địa- nhân hợp nhất với quan điểm thiên thời-địa lợi-nhân hoà thể hiện triết lí sống rất sâu sắc của cộng đồng người Việt, không những thấy mối quan hệ phổ biến của con người trong vũ trụ bao la mà còn thể hiện mong muốn tìm thấy sự hài hoà trong cuộc sống, trong lao động, trong các mối quan hệ xã hội đa dạng. Quan điểm trên không chỉ có giá trị trong quá khứ mà còn có giá trị rất lớn trong đời sống xã hội hiện đại, đáp ứng yêu cầu hài hoà, tôn trọng các giá trị chung và tiến bộ của nhân loại và là hạt nhân hợp lí của tư tưởng phát triển bền vững trong đời sống kinh tế - xã hội nói chung và trong giáo dục nói riêng .

Những giá trị của tư tưởng Nho giáo về chữ Nhân, về lễ nghĩa, trung ,hiếu hoặc các triết lí Phật giáo về hướng thiện, tu nhân, tích đức, từ bỏ " tham, sân, si ", về kiếp luân hồi của con người (sinh, lão, bệnh, tử) tuy có những hạn chế về lịch sử và thời đại, song vẫn chứa đựng những hạt nhân hợp lí cần được phát triển trong bối cảnh mới của thời đại

Truyền thống "Tôn sư trọng đạo " là giá trị văn hoá đặc sắc của các nước phương Đông nói chung và của Việt Nam nói riêng. Những tư tưởng tôn vinh nghề giáo, tôn vinh nhà giáo đã và đang là những di sản quý báu trong quá trình cải cách sư phạm,xây dựng đội ngũ nhà giáo ngang tầm với đòi hỏi của nền giáo dục hiện đại nói chung và GDĐH nói riêng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục là kết tinh những giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam và thời đại

Bên cạnh những giá trị văn hoá tích cực cần được kế thừa và phát huy trong phát triển giáo dục nói chung và GDĐH Việt Nam nói riêng cũng cần nhận diện những hạn chế của các đặc trưng văn hoá tinh thần Phương Đông trong đó có Việt Nam như tính tư duy công nghệ thấp, tính bảo thủ, khép kín, tự ti, nặng hình thức, lễ nghĩa, khoa cử ..vv tạo ra nhiều rào cản trong

quá trình canh tân và đổi mới xã hội trong đó có GDĐH.

### III. Các giải pháp phát huy các giá trị văn hoá trong quá trình đổi mới đại học Việt Nam hướng đến tương lai

Để kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc và thời đại, quá trình đổi mới GDĐH cần tập trung vào một số điểm sau;

3.1. Hoàn thiện sứ mệnh và tầm nhìn của toàn hệ thống GDĐH nói chung và của từng cơ sở GDĐH nói riêng. Tầm nhìn và sứ mệnh của các đại học phải thể hiện rõ yêu cầu kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá tiến bộ của dân tộc và thời đại. GDĐH phục vụ sự phát triển xã hội, cộng đồng theo hướng bền vững phải là một trong các nội dung cơ bản của sứ mạng và tầm nhìn của các trường đại học.

3.2. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo đại học: Cần chú trọng các nội dung giáo dục văn hoá, giáo dục nhân văn, giáo dục giá trị, Hoàn thiện chương trình giáo dục tổng quát ở các trường đại học. Chương trình giáo dục đại cương (General Education hay Liberal Education) không chỉ bó hẹp trong phạm vi các môn khoa học cơ bản theo khối ngành mà cần mở rộng chương trình giáo dục giá trị, triết lí phương Đông, giáo dục nhân văn, giáo dục chính trị và tư tưởng Hồ chí Minh . Chú trọng các nội dung giáo dục quốc tế, giáo dục cộng đồng, cách tiếp cận đa văn hoá trong phát triển chương trình đào tạo....vv

3.3. Đổi mới phương pháp đào tạo đại học: Chuyển đổi từ phương thức đào tạo truyền thụ một chiều sang các phương pháp phát huy tính độc lập, năng động và sáng tạo của sinh viên. Chú trọng khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên đại học. Trường đại học phải là cái nôi đào tạo nhân tài cho đất nước

3.4. Hình thành nền văn hoá công nghệ, văn hoá tổ chức trong nhà trường đại học với yêu cầu phát triển các tổ chức biết học hỏi, xây dựng lối sống văn hoá lành mạnh trong môi trường đào tạo, môi trường đa văn hoá, xây dựng môi trường sư phạm chuẩn mực. Các trường đại học cần thực sự trở thành các trung tâm văn hoá của cộng đồng, nơi nghiên cứu, truyền bá những tư tưởng, những giá trị tiến bộ của dân tộc và thời đại

3.5. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu quốc gia, khu vực và quốc tế có tính liên ngành về các giá trị văn hoá phương Đông và thế giới, các giá trị văn hoá chung của nhân loại để đáp ứng yêu cầu đổi mới và canh tân hệ thống GDĐH.

### Kết luận

Trong quá trình phát triển với nhiều bước

thăng trầm của lịch sử, nhà trường đại học Việt Nam không chỉ là cơ sở đào tạo tầng lớp trí thức dân tộc, đào tạo nhân lực khoa học & công nghệ, mà đã và đang đổi mới trở thành các trung tâm văn hoá- giáo dục, trung tâm nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và phát triển cộng đồng bền vững. Các giá trị văn hoá là một trong các nguồn lực để đổi mới và phát triển GDĐH.

Kế thừa và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc và thời đại là một trong các giải pháp cơ bản để đạt mục tiêu chiến lược phát triển GDĐH đến năm 2020 là "GDĐH Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng XHCN".

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị Quyết 14/2005/NQ- CP ngày 02/11/2005 về đổi mới căn bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020.
2. Vũ Ngọc Hải - Trần Khánh Đức, *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỉ 21*. Thế giới và Việt Nam, NXB Giáo dục, 2004.
3. Lê Văn Giang, *Tóm lược 1000 năm lịch sử giáo dục Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
4. Nguyễn Q Thắng, *Khoa cử và giáo dục Việt Nam*, NXB Văn hoá-Thông tin-1994.
5. Phạm Minh Hạc và các tác giả, *Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ 21*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
6. Phạm Phú, *Về khuôn mặt mới của GDĐH Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2005.
7. Jon Naisobit và Patoric Aboden, *10 xu hướng vĩ mô năm 2000*, NXB Thanh phố Hồ Chí Minh, 1992.
8. Alvin Toffler, *Làn sóng thứ ba*, NXB Thông tin lí luận Hà Nội, 1992.
9. Thomats F. Frenmand. *Thế giới phẳng*, NXB Trẻ, 2006.

#### SUMMARY

The article analyzes the context and trends in higher education development in modern society and the culture and cultural values of Vietnam on which basis to put forward several solutions to develop traditional Vietnamese cultural values in the process of Vietnamese higher education renovation.

## TRIẾT LÍ...

(Tiếp theo trang 11)

viên. Cơ sở của các chương trình đào tạo liên thông là trình độ và cấu trúc tích hợp của các mô đun đào tạo có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Xu thế Môđun hoá chương trình đào tạo và sử dụng hệ thống tín chỉ trong quy trình đào tạo không chỉ cho đào tạo ngắn hạn, phi chính quy mà cho chính quá trình đào tạo chính quy dài hạn.

Phát triển chương trình đào tạo nghề nghiệp và đại học liên thông theo học chế tín chỉ là vấn đề lớn trong phát triển khoa học giáo dục hiện đại và trong quá trình đổi mới nền giáo dục Việt Nam trong những thập niên tới. Nghiên cứu về triết lí và xu thế mới trong phát triển chương trình đào tạo đòi hỏi sự sáng tạo của đông đảo cán bộ khoa học trong các nhà trường, các viện nghiên cứu khoa học và các cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Triết lí và xu thế phát triển chương trình đào tạo nghề nghiệp và đại học liên thông theo học chế tín chỉ sẽ có tác động ở tầm vĩ mô và vi mô nhằm tạo nên định hướng lí luận cơ bản của sự phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đại học ở Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế ở những thập kỉ tới.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục 2005, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
2. Báo cáo về tình hình giáo dục của Chính phủ tại kì họp thứ 6 Quốc hội khoá XI. Tháng 10/2004.
3. Nghị quyết 14/2005/CQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020.
4. Omporu Regel. *The Academic Credit System in Higher Education: Effectiveness and Relevance in Development Country*. The World Bank (bản dịch về hệ thống tín chỉ học tập. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1994).
5. John Collum. *Develop Competency Based Training (concep card)*. TITI. Kathmandu Nepal. 1997.
6. Nguyễn Việt Sự, *Giáo dục nghề nghiệp - Những vấn đề và giải pháp*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.

#### SUMMARY

The article presents the concepts of "interconnected curriculum", "credit system", philosophy of developing the curriculum based on the credit system and a trend in developing an interconnected vocational and higher education curriculum based on the credit system.